

Số: 01/2018/QĐST-HNGĐ

Giang Thành, ngày 30 tháng 01 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 59/2017/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2017 giữa:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Ấp K, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Chị Phạm Kim L, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Ấp K, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 01 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 01 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Nguyễn Văn T và chị Phạm Kim L.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Phạm Kim L tự nguyện thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thoả thuận của anh T, chị L và nguyện vọng cháu Nguyễn Hữu T, cụ thể như sau:

Giao cháu Nguyễn Hữu T, sinh ngày 06/9/2009, giới tính: Nam cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi. Ghi nhận anh T không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở chị L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Chị L lạm dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì anh T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định.

2.3. Về quan hệ tài sản chung: Anh Nguyễn Văn T và chị Phạm Kim L tự thoả thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về quan hệ nợ nần chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của anh Nguyễn Văn T và chị Phạm Kim L, cụ thể như sau: Chị Phạm Kim L có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc là 38.000.000 đồng và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho Ngân hàng S khi đến hạn.

Ghi nhận việc Ngân hàng S đồng ý cho chị Phạm Kim L nhận trách nhiệm thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc là 38.000.000 đồng và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho Ngân hàng S khi đến hạn.

2.5. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Ghi nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Văn T nộp toàn bộ án phí sơ thẩm của vụ án hôn nhân và gia đình không có giá ngạch số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng), được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0004614, ngày 30/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giang Thành. Anh T được hoàn lại số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- VKSND H. Giang Thành;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ;

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Lâm Phước Lộc